

CÓT LỖI ĐẠO PHẬT

Chủ yếu đạo Phật là chỉ dạy chúng sanh giải thoát mọi khổ đau. Song lâu dài giải thoát phải xây dựng trên một nền tảng giác ngộ. Trước phải giác ngộ nhiên hậu mới giải thoát, như nói “biết đúng mới làm đúng”. Giác ngộ Giải thoát theo liền bên nhau không thể tách rời được. Cầu Giải thoát mà trước không Giác ngộ là sự mong cầu viển vông thiếu thực tế. Như người mắc bệnh ghiền á phiện muốn bỏ, mà không ý thức tai hại do ghiền á phiện gây ra, chạy cầu thầy bùa, thầy pháp xin bùa phép uống để khỏi ghiền, là xa vời không thực tế. Muốn bỏ bệnh ghiền á phiện, chính người ấy phải nhận thức rõ ràng tai hại của bệnh ghiền, đồng thời lập chí cương quyết bỏ á phiện, dù bị cơn ghiền hành hạ thế mấy, liều chết hẳn không tái phạm. Có thể, người ấy khả dĩ thành công việc bỏ ghiền á phiện. Mọi khổ đau trong đời sống con người đều do hành động xấu xa của con người chuốc lấy. Muốn giải thoát mọi đau khổ, con người phải Giác ngộ, cương quyết đập tan mọi nguyên nhân sanh ra đau khổ. Nhân đau khổ đã nát thì quả khổ đau đâu còn. Vì thế, Giác ngộ Giải thoát là “Cốt Lõi Đạo Phật”.

GIÁC NGỘ ĐAU KHỔ

Thuở còn làm Thái tử, sau khi chứng kiến sự sanh già bệnh chết của con người, ngài Tất-đạt-đa quyết tâm xuất gia tầm đạo. Sau khi đã đạt đạo, Ngài thấy rõ trong mọi đau khổ chỉ luân hồi sanh tử là cái khổ to lớn dai dẳng hơn cả. Cho nên, ngót bốn mươi chín năm Ngài thuyết pháp cốt chỉ rõ con đường Giải thoát Sanh tử Luân hồi cho chúng sanh. Đồng thời Ngài cũng phương tiện vạch bày phương pháp giảm thiểu đau khổ cho những chúng sanh chưa đủ khả năng thoát khỏi luân hồi.

GIÁC NGỘ LÝ NGHIỆP DẪN

Chúng sanh si mê tạo nghiệp, sức nghiệp lôi kéo chúng sanh đi vào luân hồi sanh tử. Do nghiệp dẫn dắt chúng sanh mãi trèo lên tuột xuống trong sáu nẻo luân hồi. Có khi chúng ta vui cười ở cõi trời, có khi la hét ở cõi a-tu-la, có lúc nửa cười, nửa mếu ở cõi người, lại có khi kêu la thảm thiết ở địa ngục, có lúc thất thểu đói

khát ở ngã qui, có khi ngu si sống theo bản năng ở súc sanh. Đang lúc bị nghiệp dẫn, chúng ta cũng có gặp những cảnh vui, song cái vui ấy chỉ trá hình của đau khổ. Vì là cái vui mỏng manh tạm bợ, rốt cuộc đều tan biến theo thời gian. Nghiệp là hành động tạo tác của con người hoặc nói khác, nghiệp là động lực thúc đẩy lôi kéo chúng sanh đến nơi thọ quả. Cụ thể hơn, nghiệp là sức bảo tồn mạng sống hiện tại của con người. Do hành động tạo tác nhiều lần, thành thói quen, có sức mạnh lôi cuốn con người đi theo thói quen là nghiệp. Ban đầu ta làm chủ tạo nghiệp, nghiệp thành, làm chủ chi phối lại chúng ta. Như người khi mới tập uống rượu và sau khi đã ghiền rượu. Nghiệp dẫn dắt chúng ta lang thang trong sáu nẻo luân hồi đều do cái sở tập của mình mà nên. Sự sống là động, ngừng mọi hoạt động trong thân thì chết. Như mũi tên rời dây cung bay bổng trong không là do sức đẩy, sức đẩy mãi thì mũi tên phải rơi. Sự sống của thân chúng ta đều do sức nghiệp, nhờ gió nghiệp thu hút tứ đại bên ngoài vào thân, cũng do gió nghiệp tổng tứ đại phế thải trong thân ra ngoài, gió nghiệp dừng thì thân này phải hoại. Có bài tụng:

Đem vào nhờ gió nghiệp
Tổng ra cũng gió đưa
Sự hô hấp tuần hoàn
Tất cả đều do gió.
Một phen gió nghiệp dừng
Thân này như khúc gỗ.

Thế nên, sự tồn tại của thân hiện nay và sự tiếp nối của thân mai sau đều do nghiệp. Còn nghiệp là còn sự sống và tiếp nối sự sống. Nghiệp chủ động trong vòng sanh tử của chúng sanh.

Nghiệp có nhiều thứ, nói đơn giản chỉ có hai thứ thuộc ba lớp khác nhau: thiện nghiệp, ác nghiệp, tích lũy nghiệp, cận tử nghiệp, định nghiệp, bất định nghiệp. Những hành động lành tạo thành thói quen là thiện nghiệp, sẽ dẫn dắt sanh trong các cõi lành. Những hành động dữ tạo thành thói quen là ác nghiệp, sẽ lôi cuốn vào các cõi dữ. Trong lục đạo luân hồi, tùy nghiệp lành cao thấp sẽ sanh

trong ba đường lành: người, a-tu-la, trời. Nghiệp dữ tùy nặng nhẹ sẽ sanh trong ba đường dữ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Vì thế, lành dữ đều do nghiệp, nghiệp lại chính là hành động hằng ngày của chúng ta. Muốn tương lai vui hay khổ đều do ta quyết định. Chính chúng ta là người làm chủ vận mạng của chúng ta, không ai khác có thể đem vui khổ lại cho chúng ta, kể cả đức Phật. Chúng ta là người định đoạt số phận của mình ngay trong hiện tại và vị lai.

Hằng ngày chúng ta gây tạo nghiệp lành hay dữ tích lũy thành sức mạnh, dẫn dắt chúng ta đến chỗ tương ứng thọ sanh, gọi là tích lũy nghiệp. Thuở Phật tại thế, Thích-ma-ha-nam đến bạch Phật: Hằng ngày con giữ năm giới tu thập thiện... nếu đi đường gặp cọp dữ, voi dữ hại, khi ấy chết con sẽ sanh về đâu? Đức Phật đáp: Như cây to đang nghiêng hẳn về một chiều, bị người cưa sẽ ngã về đâu? Đây là hiệu năng của tích lũy nghiệp. Chúng ta sắp chết mà nghiệp thiện, ác chưa nghiêng hẳn bên nào, khi ấy tâm niệm thiện đầy mạnh, hoặc tâm niệm ác đầy mạnh liền theo đó thọ sanh, là cận tử nghiệp. Người ta thường quan trọng giờ phút lâm chung là vì thế. Trợ niệm bằng cách nhắc lại giáo pháp mà người sắp chết đã nghe, cho họ dễ tỉnh giác, hoặc tụng kinh niệm Phật theo sở thích hằng ngày của họ, khiến thêm sức mạnh để họ đi theo con đường đã chọn. Thân miệng ý cộng tác tạo nghiệp lành hay nghiệp dữ, kết quả tất yếu phải thọ báo lành hay dữ là định nghiệp. Thân miệng riêng lẻ tạo nghiệp lành hay dữ, kết quả có thể thay đổi được là bất định nghiệp. Ví như có người ý thù ghét, miệng chửi, tay đánh một đối phương, sau đó họ ăn năn đến xin lỗi, đối phương dù có tâm lượng rộng rãi đến đâu thử hỏi có tha thứ dễ dàng chăng? Ngược lại, có người vô tình hoặc lầm lẫn chửi hay đánh kẻ khác, sau đó anh biết lỗi đến xin lỗi, chắc chắn nạn nhân kia tha thứ chẳng khó.

GIÁC NGỘ TU NGHIỆP THIỆN

Biết thân miệng ý là chỗ xuất phát nghiệp, người phát tâm qui y Tam Bảo, trước tiên phải giữ năm giới. Trong năm giới không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm là ba điều thiện của thân; không nói dối, không uống rượu là hai điều thiện của miệng. Chỉ tu năm điều thiện này là đủ cung cách một người tốt

trong xã hội hiện tại, và sẽ làm người tốt ở vị lai. Giữ trọn năm giới là đóng cửa ba đường ác (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh), không bao giờ ta bước chân đến ba chỗ này. Thế nên, Phật chế năm giới là phương tiện giảm thiểu đau khổ cho con người trong hiện tại và vị lai.

Nếu giữ trọn mười điều thiện sẽ được sanh lên cõi trời, là con đường lành cao nhất trong sáu đường. Giữ mười điều thiện là tu đủ ba nghiệp: nơi thân không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm; nơi miệng không nói dối, không nói hai lưỡi (nói lật lọng), không nói hung dữ, không nói thêu dệt; nơi ý bớt tham, bớt sân, không tà kiến. Tà kiến là nhận định lệch lạc không đúng lẽ thật, gốc từ si mê mà ra. Phật dạy: “Thấy đúng nhân quả là chánh kiến, thấy sai nhân quả là tà kiến.” Ba nghiệp biết tu thiện là tạo nguồn an lạc hiện tại và mai sau.

Ngược lại, ba nghiệp tạo đầy đủ mười điều ác là nhân của địa ngục. Địa ngục là đường khổ nhất trong sáu đường luân hồi. Đâu đọa xuống địa ngục mới khổ, ngay trong cuộc sống hiện tại này, nếu người làm đủ mười điều ác, sẽ thấy một đời hoàn toàn đau khổ. Chúng ta thử nhìn người ưa sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, tham lam, sân hận, tà kiến có lúc nào họ được yên ổn đâu. Dù họ ở địa vị thế nào trong xã hội, bản thân và tâm hồn họ vẫn đen tối và đau khổ dài dài.

Phật dạy người Phật tử tu thập thiện cốt để đầy đủ phước đức, đời sau sanh ra sẽ được thỏa mãn mọi nhu cầu trong cõi dục giới này. Song đây chưa phải là lối tu giải thoát, đau khổ cứu kính, cần tiến lên những bậc trên nữa mới hoàn toàn giải thoát đau khổ. Tuy nhiên, trên đường tu, trước giữ năm giới, kể tu thập thiện là cơ bản là hai nấc thang đầu trên cây thang giải thoát. Thiếu nó, người tu sẽ chới với không thể tiến lên được.

GIÁC NGỘ DỨT NGHIỆP

Sanh tử gốc do nghiệp dẫn, muốn hết sanh tử phải hết nghiệp. Nghiệp phát xuất từ thân miệng ý, song chủ động là ý. Ý có nghĩ lành dữ, thân miệng mới tạo nghiệp lành dữ. Ý lạng rồi thì thân miệng đâu còn cơ sở tạo nghiệp. Như chiếc xe lăn bánh chạy trên đường, gốc từ chày xăng nổ máy, muốn xe dừng thì phải hãm

xăng tắt máy. Cái chủ động đã dừng, các bộ phận bị động cũng dừng. Người tu quyết giải thoát luân hồi, sanh tử phải chặn đứng ý nghiệp. Khi nào ý nghiệp vắng bật rồi, chắc chắn mình thoát ly sanh tử. Phương tiện dừng ý nghiệp: Phật dạy có nhiều lối, gọi là những pháp môn tu. Pháp môn tu Thiền, pháp môn tu Tịnh độ... Mỗi pháp môn đều nhằm đập chết con khi ý thức. Tu thiền phải được định, niệm Phật phải nhất tâm. Đã định thì ý thức đâu còn hoạt động, nhất tâm thì con khi ý đã chết lịm rồi. Vì thế tu thiền đến Diệt tận định thì nhập Niết-bàn (vô sanh), niệm Phật đến nhất tâm bất loạn thì thấy Phật A-di-đà đến đón về Cực Lạc. Nhập Niết-bàn thì không còn sanh tử, về Cực Lạc thì hết luân hồi trong lục đạo. Được về Cực Lạc (vui tốt) hay nhập Niết-bàn (vô sanh) mới thật là giải thoát khổ đau hoàn toàn miên viễn. Đây là chỗ đức Phật Thích-ca nhằm hướng dẫn chúng sanh đạt đến.

Muốn niệm Phật được nhất tâm phải tin chắc về sự, hoặc nhận thực về lý. Tin chắc về sự, là tin có cõi Cực Lạc, có đức Phật A-di-đà tiếp dẫn, tin mình niệm Phật sẽ được vãng sanh. Nhận thực về lý, là nhận rõ tâm tịnh thì độ tịnh. Phật A-di-đà là tánh giác của mình, phương pháp niệm Phật là một cách lóng lạng cho tâm mình thanh tịnh, có câu “Tự tánh Di-đà, duy tâm Tịnh Độ”. Đã đủ lòng tin hay nhận thực ấy rồi, hành giả bắt đầu thực hành bằng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà. Miệng niệm lỗ tai lắng nghe, phải nghe rõ ràng từng tiếng niệm của mình, dù niệm thầm cũng vậy. Niệm có chuỗi cũng tốt, không chuỗi cũng được. Cốt yếu cột tâm trong sáu chữ Di-đà, không cho tâm phóng chạy ra ngoài. Ban đầu niệm Phật có thời khóa hay có số chuỗi, sau quen rồi trong bốn oai nghi, trong mọi hoạt động đều nhớ niệm Phật. Chỉ ngoài giờ ngủ ra, tất cả giờ đều là giờ niệm Phật. Người niệm Phật tin về sự, sau thời niệm Phật đều phát nguyện hồi hướng sanh về Cực Lạc. Cõi Cực Lạc là mục tiêu qui hướng tuyệt đối của người này. Đức Phật Di-đà sẽ đến đón họ trước giờ lâm chung, khẳng định như vậy. Người niệm Phật nhận thực về lý, hướng thẳng về tâm thanh tịnh của mình. Như nói “Trì Thành Nguyệt Hiện”, hồ nước đào xong, nước hồ lóng trong thì mặt trăng hiện. Nước hồ trong là tâm thanh tịnh, bóng trăng hiện là tánh giác hiện bày. Tánh giác là Phật Di-đà, tâm thanh tịnh là Cực Lạc. Tin về sự là hướng ra ngoài, nhận thực về lý là nhắm thẳng

tâm mình. Tuy sự lý trong ngoài có khác, song trên phương diện thực hành chủ yếu được nhất tâm. Nhất tâm là mục đích duy nhất của phương pháp niệm Phật. Dù tin sự hay hiểu lý mà niệm Phật không nhất tâm thì cũng chẳng đến đâu.

Muốn tu thiền được định tùy trình độ sai khác cũng có nhiều lối tu khác nhau. Tổng quát có hai lối, thiền tiệm thứ và thiền đốn ngộ.

THIÊN TIỆM THỨ

Thiền tiệm thứ là lối tu thiền theo thứ lớp tuần tự tiến lên, có đề mục, có phương pháp, ứng dụng tu pháp này xong, tiến lên pháp khác, có sở chứng sở đắc từ thấp đến cao. Như lối tu quán Tứ niệm xứ, Minh sát tuệ (Xem sách Thiền Nguyên Thủy). Hoặc tu lối Lục diệu pháp môn. Đây là sáu cửa màu nhiệm tiến vào thiền.

Ban đầu là Sổ tức, là lối đếm hơi thở. Hít hơi vào cùng, đếm một, thở ra sạch đếm hai. Hoặc cả hai hơi vô hơi ra đếm một, chú tâm vào hơi thở vô và ra đến đâu đều biết, nhớ số từ một đến mười không cho lộn. Đến mười đếm lại một, nếu giữa chừng quên số cũng đếm trở lại một. Cột tâm theo hơi thở và số, vừa dấy nghĩ liền kéo lại với số và hơi thở. Chú ý đừng cố đem hơi xuống rún sanh mệt. Hơi vừa dài vừa nhẹ là tốt. Đến bao giờ ngồi thiền cả giờ mà chỉ nhớ số và hơi thở là thành công.

Sang Tùy tức là theo hơi thở. Đến đây bỏ không đếm số chỉ duyên theo hơi thở ra vào, chú tâm theo hơi thở vô đến đâu biết rõ đến đó, ra đến đâu theo đến đấy. Tâm cột với hơi thở, vừa có nghĩ khác kéo lại hơi thở. Theo sát hơi thở không phút giây lơ lửng, cho đến khi chỉ còn biết hơi thở ra vào không nghĩ gì khác là xong phần Tùy tức.

Tu Chỉ: Dừng tâm ở mũi xem hơi thở ra vào, như người gác cổng nhận diện từng người khách ra vào không sai sót. Trụ tâm ở mũi lâu sanh hôn trầm liền khởi quán.

Tu Quán: Quán hơi thở ra vào là tướng vô thường mỏng manh tạm bợ. Mạng sống lại nương hơi thở mà còn thì mạng sống cũng mong manh tạm bợ. Quả thật mạng sống chỉ trong khoảng hơi thở ra vào, thở ra mà không hít vào là chết,

có gì là chắc chắn lâu dài. Thấy được lẽ thật này là thấy Đạo. Hoặc quán hơi thở vào do phổi phồng lên, hơi thở ra do phổi xẹp xuống. Khi phổi phồng lên, thì mũi hít không khí vào, phổi xẹp xuống thì đẩy không khí ra. Bên ngoài có không khí, bên trong có phổi, hợp với tâm lý tác động thành sự thở. Sự thở không tự có, đủ duyên mới có, đã do duyên thì hơi thở không thật. Sự thở đã không thật, mạng sống lại nương theo hơi thở mà có thì mạng sống cũng không thật. Quán rõ thấy mạng sống như huyễn hóa là thành công.

Tu Hoàn: Quán nhiều sanh động, nên xoay lại tìm xem tâm năng quán này ở đâu? Tìm đáo để, không thấy nó thì năng sở tự yên lặng.

Tu Tịnh: chỗ năng sở yên lặng này là tâm thanh tịnh. Giờ ngồi thiền xả hết vọng niệm chỉ còn một tâm thanh tịnh là tu tịnh. Tâm thanh tịnh bền bỉ lâu dài là xong xuôi phần tu Lục diệu pháp môn (cần đọc quyển Lục Diệu Pháp Môn của Trí Khải Đại Sư).

THIÊN ĐÓN NGỘ

Thiên đón ngộ là lối tu trực ngộ bản tâm, gọi là Kiến tánh khởi tu. Không có đề mục, không có phương pháp, không có sở chứng sở đắc, chỉ mê là chúng sanh, ngộ là Phật nên nói “Kiến tánh thành Phật”. Lối tu này không tu mà tu, không chứng mà chứng. Bởi vì khi hành giả trực nhận bản tâm, biết rõ nơi mình có cái không sanh không diệt, mà từ thuở nào mãi chạy theo cái tâm sanh diệt tạo nghiệp luân hồi. Ngang đây biết rõ bộ mặt sanh diệt của nó, không chạy theo nữa, khi nó dấy lên không cho nổi tiếp, không khởi thì lặng yên đừng dấy niệm. Tổ Lâm Tế nói: “Đã khởi chớ tiếp nối, chưa khởi chẳng cần dấy khởi, còn hơn ông hành cước mười năm.” Cổ Đức cũng nói: “Chớ sợ niệm khởi chỉ sợ giác chậm.” Thiền sư Vô Nghiệp suốt đời chỉ dùng một câu “chớ vọng tưởng” trả lời tất cả câu hỏi của Thiền khách.

Có người bảo lối tu này là “Tảo niệm” (quét sạch niệm), song khi ngồi thiền quét, lúc tiếp duyên, xúc cảnh thâm lại. Cứ quét rồi thâm đến bao giờ mới hết niệm? Đúng thế, nếu người tu chỉ biết quét khi ngồi thiền, lúc ra ngoài thì thâm lại, thật là gian nan cho lối tu này. Song ở đây không phải vậy, khi ngồi thiền không

theo niệm, lúc ra ngoài thấy các pháp đều duyên hợp hư dối như huyễn hóa không có một pháp đáng lưu tâm, thì làm gì có thân, ví như người đi chợ, cô ta dạo qua các cửa hàng chen chúc với bao nhiêu người qua lại trên đường phố, nhưng không có vật gì và người nào đáng cho cô để ý. Về đến nhà, người nhà hỏi: đi chợ có thấy gì không? Cô đáp: không. Có phải thật không thấy gì chẳng? Hẳn không phải thế, chỉ không có gì quan trọng đáng cô chú ý nên nói không thấy gì. Khi tiếp duyên xúc cảnh, hành giả thấy rõ các pháp như huyễn hóa, tự nhiên không có gì đáng để thân. Bên trong có bao nhiêu vọng tưởng dấy lên đều không tiếp tục, lâu ngày tự hết.

Lại có người bảo “không theo niệm” nhẹ nhàng quá, nếu người tọa thiền bị hôn trầm nặng nề làm sao đuổi được? Nếu khi hôn trầm nặng nề, hành giả chấn chỉnh thân, mở mắt sáng mà không hết, nên khởi niệm tìm xem hôn trầm này xuất phát từ chỗ nào? Tức là đặt câu hỏi: “Hôn trầm xuất phát từ chỗ nào?” Theo dõi lòng tìm nó thì hôn trầm sẽ tan. Khi gặp tán loạn mãnh liệt cũng thế. Hành giả nên đặt câu hỏi: “Vọng tưởng này xuất phát từ chỗ nào?” Tìm kiếm nó một lúc sẽ hết. Khi hôn trầm tan, vọng tưởng lặng liền trở lại lối tu “không theo niệm” như trước.

Lối tu này cụ thể hóa bằng mười bức họa “Chăn Trâu Thiền Tông”. Mã Tổ hỏi Thiền sư Thạch Củng: Ông làm gì đây? Sư đáp: Con chăn trâu. Mã Tổ hỏi: Chăn như thế nào? Sư đáp: Mỗi khi nó chạy vào ruộng lúa thì lòi mũi kéo lại. Mã Tổ bảo: Thế là ông chăn giỏi, chỉ chăn giữ không cho trâu xâm phạm mạ của người là biết chăn trâu. Con trâu là tâm, chạy loạn vào lúa mạ là vọng khởi theo sáu trần, dừng lại không theo là lòi mũi kéo về. Cứ thế mãi, giờ ngồi thiền chăn, giờ làm công tác chăn, giờ dạo chơi, tiếp khách cũng chăn... không lơ lửng. Thế nên nói, hái rau, chặt củi, nấu cơm, đều là thiền. Chăn cho đến khi trâu không còn, người chăn cũng mất, đây là hoàn toàn an định. Thiền sư Lương Giới tìm đến am tranh Hòa thượng Ân Sơn hỏi: Hòa thượng ở đây làm gì? Ân Sơn đáp: Tôi thấy hai con trâu báng lộn nhau, chạy ùm xuống sông, đến nay không có tin tức. Sư đáp y đánh lễ. Đây là mục thứ tám trong mười mục chăn trâu nhà thiền, trâu và chăn đều vắng bật chỉ còn một vòng tròn trắng. Đến đây ý nghiệp yên lặng không còn

lôi kéo vào luân hồi sanh tử nữa. Nếu hàng Nhị thừa đến đây là nhập Niết-bàn, vì đã dứt sạch nghiệp sanh tử.

GIÁC NGỘ PHÁP THÂN

Dứt sạch nghiệp mới gọi là hết sanh tử, chưa phải thành Phật. Về các kinh A-hàm đến đây là chúng Niết-bàn (Vô Sanh) của A-la-hán. Kinh Pháp Hoa Phật bảo là Hóa thành không phải Bảo sở, về Thiên tông gọi đây là đất Vô sanh, là Tử thủy (nước chết) là đầu sào trăm trượng, cần phải vượt qua mới được. Căn cứ vào mười mục chặn trâu nhà Thiên, chỗ này mới là mục thứ tám chặn và trâu đều mất. Phải tiến lên mục thứ chín là lá rụng về cội, nước chảy về nguồn mới được, mục này gọi là nhập Phật giới hay nhập Pháp thân. Cần vượt lên mục thứ mười là buông lỏng tay vào chợ hay nhập ma giới, mới vuông tròn công đức thành Phật. Dứt sạch nghiệp mới thoát khỏi đau khổ trong sanh tử cho chính mình, song chưa đạt Pháp thân, chưa viên mãn công đức cứu khổ chúng sanh, cần phải hòa quang đồng trần làm lợi ích tất cả chúng sanh mới vẹn tròn công đức thành Phật.

THẨM NGỘ LÀ ĐỦ LÒNG TIN

Có người nghĩ, hành giả chưa trực ngộ bản tâm tu thiền đốn ngộ được chăng? Trực ngộ bản tâm là chủ yếu của người tu thiền đốn ngộ. Song có người chưa ngộ mà đủ lòng tin, tu vẫn được. Xem kinh, đọc luận, hỏi đạo, nghe giảng... thẩm nhận mình có bản tâm bất sanh bất diệt, khẳng định không nghi ngờ, người này tu thiền đốn ngộ được. Thiền sư Pháp Thường đến hỏi Mã Tổ: Thế nào là Phật? Mã Tổ đáp: Tức tâm là Phật. Sư thẩm nhận, đến núi Đại Mai cất am tu. Sau Mã Tổ nghe, sai vị Tăng đến thăm dò. Tăng đến hỏi Sư: Hòa thượng gặp Mã Tổ, được cái gì về ở núi này? Sư đáp: Mã Tổ nói với tôi: tức tâm là Phật, tôi bèn đến ở núi này. Tăng thưa: Gần đây Mã Tổ lại nói “Phi tâm phi Phật.” Sư bảo: Ông già mê hoặc người, chưa có ngày xong, mặc ông phi tâm phi Phật, tôi chỉ biết tức tâm là Phật. Vị Tăng trở về thuật lại Mã Tổ. Mã Tổ nói với đại chúng: Đại chúng, trái mai đã chín. Đây là tin nhận mình có bản tâm chân thật một cách chắc chắn là tu thiền đốn ngộ hay chặn trâu được.

Hoặc giả nhận rõ vọng tưởng hư dối như sương như khói, không theo, không bị nó dẫn, đến khi nó tan biến hoàn toàn, chân tâm hiển lộ. Ngài Huệ Khả sau khi được Tổ Đạt-ma nhận làm môn đồ, Ngài hỏi Tổ: Tâm con chưa an, xin Thầy dạy con phương pháp an tâm? Tổ Đạt-ma nhìn thẳng vào mặt bảo: Đem tâm ra ta an cho. Ngài sững sốt lặng tìm liền đáp: Con tìm tâm không được. Tổ Đạt-ma bảo: Ta đã an tâm cho ông. Ngài Huệ Khả liền biết lỗi vào. Bình nhật chúng ta thấy tâm tưởng lăng xăng, khi nhìn lại thì mất bóng bặt dạng. Thế là nó hư dối không thật. Biết rõ nó hư dối thì nó không còn khả năng lôi cuốn dẫn dắt chúng ta nữa. Không chạy theo không bị dẫn, chẳng an là gì? An tâm là nhìn thẳng bộ mặt hư dối của nó, nó tự tan biến, còn gì nữa mà động. Thời gian sau, ngài Huệ Khả thưa Tổ Đạt-ma: Nay con bặt hết các duyên. Tổ Đạt-ma bảo: Coi chừng rơi vào đoạn diệt. Ngài Huệ Khả thưa: Không rơi. Tổ Đạt-ma hỏi: Thế nào không rơi? Ngài Huệ Khả thưa: Rõ ràng thường biết, nói không thể đến. Tổ Đạt-ma nói: Đây là chỗ truyền của chư Phật, chớ có hoài nghi. Thế là, từ nhận biết tâm bất an là hư dối, ngài Huệ Khả chặn nó đến lúc không còn tâm dạng là: “bặt hết các duyên” chỉ còn lại cái: “rõ ràng thường biết” là chỗ chư Phật truyền nhau.

Có nhiều người học đạo đã thâm nhận mình có cái chân thật sẵn đủ, hoặc biết rõ vọng tâm hư dối, mà vẫn chưa đủ lòng tin để tiến tu, họ cứ đòi phải ngộ mới tu được. Quả thật họ đang đuổi theo cái ảo ảnh của danh từ ngộ. Đâu biết rằng tin chắc không nghi là đã thâm ngộ.

KẾT THÚC

Trên tiến trình tu tập từ phàm phu đến Phật quả thật là thăm thẳm gian truân. Song vì ý thức được sự đau khổ trong kiếp mê lầm, sự đọa đầy trong vòng lục đạo, chúng ta phải nỗ lực tiến tu. Nhờ thấp sáng ngọn đuốc trí tuệ, chúng ta mới thấy đường để tháo gỡ những gút mắc của muôn ngàn sợi dây nghiệp báo. Gỡ sạch những vòng dây nghiệp báo rồi, chúng ta được thanh thoi, tự tại. Song, thân bằng quyến thuộc ta, đồng bào, đồng loại ta, đang bị chúng bủa vây bao phủ, đành lòng nào chúng ta lại ngó lơ. Thế là, vén áo xăn quần, chúng ta lao mình vào cõi trần ai để dìu dắt nhân loại thoát khỏi vòng khổ ải. Đây là hình ảnh Thiên sư vai

mang chiếc đũa, tay cầm bầu rượu, kết bè hợp bạn với đám người đầu đường xó chợ. Đem ánh sáng hòa lẫn với bụi bặm, quả là “đầu tro mặt đất” lang thang. Có thể mới tròn bản nguyện đại bi, mới đủ công đức giải thoát chúng sanh ra khỏi sông mê bể khổ. Cứu mình, độ người được viên mãn, đều đặt gọn trên nền tảng giác ngộ giải thoát của đạo Phật.

